

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12-3-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Lê Phi L, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Trần Thị T trình bày: Vào năm 1996, chị T và anh L có tổ chức đám cưới, sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Chị T và anh L có 03 (ba) người con chung tên là Lê Thị Lan Tuyên, sinh ngày 09-9-1997; Lê Thị Lan Anh, sinh

ngày 31-5-2002 và Lê Trần Hà Vy, sinh ngày 01-7-2008 (Hiện cháu Lan Anh và cháu Hà Vy đang sống chung với anh L, đồng thời đều có nguyện vọng sống chung với anh L). Do cuộc sống có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, có thời gian ly thân từ năm 2009 đến 2010 thì sống chung lại nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra, nguyên nhân là anh L thiếu trách nhiệm với gia đình. Do đó, tình cảm không còn, có sống chung cũng không hạnh phúc. Nay chị T làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phi L.

+ Về con chung: Chị T thống nhất theo nguyện vọng của cháu Lan Anh và cháu Hà Vy và đồng ý để anh Lê Phi L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên là Lê Thị Lan Anh và Lê Trần Hà Vy, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với con chung tên là Lê Thị Lan Tuyên, sinh ngày 09-9-1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của anh Lê Phi L: Thống nhất theo lời trình bày của chị T. Vào năm 1996, anh L và chị T tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau từ đó đến nay nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong quan hệ hôn nhân có 03 (ba) con chung như chị T trình bày. Qua yêu cầu của chị T thì anh L có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Anh L đồng ý ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Anh L đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên là Lê Thị Lan Anh, sinh ngày 31-5-2002 và Lê Trần Hà Vy, sinh ngày 01-7-2008 (Hiện cháu Lan Anh và cháu Hà Vy đang sống chung với anh L. Đồng thời, đều có nguyện vọng sống chung với anh L), anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Còn đối với con chung tên là Lê Thị Lan Tuyên, sinh ngày 09-9-1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996 nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17-12-2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

...”

Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“ ...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh L có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Lê Phi L quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L đều thừa nhận trong khoảng thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có 03 (ba) con chung tên là Lê Thị Lan Tuyên, sinh ngày 09-9-1997; Lê Thị Lan Anh, sinh ngày 31-5-2002 và Lê Trần Hà Vy, sinh ngày 01-7-2008. Nay ly hôn chị T và anh L thống nhất: Anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên là Lê Thị Lan Anh, sinh ngày 31-5-2002 và Lê Trần Hà Vy, sinh ngày 01-7-2008 (hiện cháu Lan Anh, cháu Hà Vy đang sống chung với anh L đồng thời phù hợp với ý kiến nguyện vọng của 02 cháu đều có nguyện vọng sống chung với anh L), chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với con chung tên là Lê Thị Lan Tuyên, sinh ngày 09-9-1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được, do đó chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh L.

Về cấp dưỡng: Anh L không yêu cầu và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh L không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Phi L là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận giữa chị Trần Thị T và anh Lê Phi L như sau: Anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên là Lê Thị Lan Anh, sinh ngày 31-5-2002 và Lê Trần Hà Vy, sinh ngày 01-7-2008 (Hiện cháu Lan Anh, cháu Hà Vy đang sống chung với anh L và 02 cháu đều có nguyện vọng sống chung với anh L), chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Còn đối với con chung tên là Lê Thị Lan Tuyên, sinh ngày 09-9-1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Anh L không yêu cầu và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2015. 0002202 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Phi L không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-3-2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Hộ Cơ;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư